

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1501/STC-TCHCSN

Kiên Giang, ngày 19 tháng 9 năm 2020

V/v hướng dẫn xây dựng dự toán
Ngân sách nhà nước năm 2021.

Kính gửi: Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban,
ngành, Đảng, đoàn thể cấp tỉnh.

Căn cứ Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023.

Sở Tài chính hướng dẫn các sở, ban, ngành, Đảng, đoàn thể cấp tỉnh công tác đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2020 và xây dựng dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2021 như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU NSNN NĂM 2020

1. Kết quả thực hiện thu phí, lệ phí, trong đó làm rõ tổng số thu, số thu nộp NSNN, số thu được để lại so với dự toán và sự phù hợp của tỷ lệ phí được để lại; thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt và tịch thu khác 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2020.

2. Đánh giá các khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí).

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHI THƯỜNG XUYÊN:

1. Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 7 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2020 theo từng lĩnh vực chi được giao.

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn trong 7 tháng, dự kiến cả năm 2020; giai đoạn 2016-2020; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế, chính sách trong tổ chức thực hiện, cụ thể:

a) Đối với các chế độ, chính sách: Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, xác định các nhiệm vụ, chính sách, chế độ kết thúc; kiến nghị bổ sung, sửa đổi các nhiệm vụ, chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

b) Đánh giá tình hình thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên do tác động của đại dịch Covid-19 (cắt giảm tối thiểu 70% dự toán kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước còn lại; 10% dự toán chi thường xuyên còn lại các nhiệm vụ chi chưa cần thiết, bao gồm cả kinh phí thực hiện các đề án mua sắm chưa thực hiện) theo hướng dẫn của Bộ Tài chính triển khai thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP của Chính phủ.

c) Thực hiện tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy: Kết quả đạt được trong 7 tháng đầu năm, ước cả năm 2020 và cả giai đoạn 2016-2020, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể:

- Số giảm biên chế, giảm đầu mỗi tổ chức bộ máy từng năm;
- Số kinh phí NSNN tiết kiệm được do giảm biên chế, giảm tổ chức bộ máy từng năm, trong đó chi tiết số đã sử dụng để thực hiện cải cách tiền lương.
- Số kinh phí phải bố trí từng năm từ NSNN để thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định số 108/2014/NĐ-CP), Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định số 113/2018/NĐ-CP) và Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

d) Thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công:

- Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII (Nghị quyết số 19-NQ/TW), Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công (Nghị định số 16/2015/NĐ-CP) và các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong các lĩnh vực sự nghiệp cụ thể trong 7 tháng đầu năm, ước cả năm 2020 và cả giai đoạn 2016-2020, chi tiết theo từng mục tiêu, từng năm (báo cáo số lượng đơn vị sự nghiệp công lập từng lĩnh vực, theo từng mức độ tự chủ, từng năm; tổng số thu sự nghiệp công từng lĩnh vực, từng năm; số NSNN chi hỗ trợ từng lĩnh vực sự nghiệp, từng năm, từng đơn vị; tổng số biên chế theo từng lĩnh vực sự nghiệp, từng năm; số lượng biên chế hưởng lương từ NSNN từng lĩnh vực sự nghiệp, từng năm).

- Đánh giá tác động của việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao khả năng tự chủ đến NSNN theo từng lĩnh vực, từng năm (số kinh phí dành ra và việc sử dụng); số giảm chi từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp theo từng lĩnh vực (sự nghiệp y tế, sự nghiệp giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp...) và việc sử dụng số kinh phí NSNN dành ra từ việc nâng cao tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp, chi tiết từng năm; các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

đ) Đối với các chương trình, đề án, nhiệm vụ thường xuyên đã, đang thực hiện trong thời gian 2016-2020: Đánh giá việc phê duyệt, bố trí kinh phí, kết quả thực hiện so với mục tiêu, kế hoạch 05 năm giai đoạn 2016-2020, nhiệm vụ chuyển tiếp (nếu có); trong đó chi tiết theo từng nhiệm vụ, đề án theo quyết định giao nhiệm vụ và kinh phí thực hiện tương ứng; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị (nếu có).

e) Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2020 và cả giai đoạn 05 năm 2016-2020 của các cơ quan hành chính nhà nước đang được hưởng cơ chế đặc thù theo quy định hiện hành, chi tiết: quỹ lương (gồm lương ngạch bậc, các khoản đóng góp theo lương và lương đặc thù - nếu có), chi bộ máy, chi chuyên môn, nghiệp vụ; theo từng nguồn kinh phí (nguồn NSNN, nguồn phí được để lại, nguồn được trích lại qua công tác thanh tra, kiểm toán, nguồn thu nghiệp vụ); xác định các nhiệm vụ chi chuyên môn, nghiệp vụ chuyển tiếp - nếu có; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp.

g) Đối với các lĩnh vực sự nghiệp: đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2020 và cả giai đoạn 05 năm 2016-2020 theo quy định hiện hành (chi tiết nguồn NSNN, nguồn thu sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị) theo từng lĩnh vực sự nghiệp; xác định các nhiệm vụ chi chuyên môn, nghiệp vụ chuyển tiếp; gửi cơ quan quản lý cấp trên, tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NĂM 2020 VÀ 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Các cơ quan, đơn vị thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi năm 2020.

- Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu có sử dụng nguồn vốn ngoài nước, báo cáo tình hình phân bổ, giải ngân (chi tiết theo vốn viện trợ ODA, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài) để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, các đề xuất kiến nghị (nếu có).

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, đánh giá cụ thể tình hình triển khai đối với các huyện, xã, thôn mới được bổ sung theo Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07 tháng 03 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

2. Cơ quan chủ chương trình mục tiêu quốc gia chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì dự án thành phần; cơ quan quản lý chương trình mục tiêu chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chương trình tổng hợp các nguồn lực thực hiện chương trình (NSTW, NSĐP, nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác, nguồn vốn vay, nguồn vốn huy động khác) và việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong năm 2020.

3. Trên cơ sở ước thực hiện năm 2020, tổng kết, đánh giá đầy đủ, toàn diện tình hình huy động, bố trí kinh phí, triển khai thực hiện trong giai đoạn 2016-2020, kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và vướng mắc.

IV. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH ĐẢM BẢO KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG

1. Báo cáo về biên chế, quỹ lương, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn). Trong đó, đề nghị ghi chú: Phần quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp, khoản đóng góp theo lương của các cơ quan, đơn vị theo quy định bảo đảm từ nguồn chi quản lý bộ máy hoặc từ nguồn khoán chi.

2. Báo cáo nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện điều chỉnh tiền lương năm 2020, trong đó làm rõ:

- Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương chưa sử dụng hết năm 2019 chuyển sang năm 2020 (nếu có),

- Nguồn chưa sử dụng hết năm 2020 chuyển sang năm 2021 thực hiện điều chỉnh lương cơ sở (nếu có).

- Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ; riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%. Phạm vi trích số thu được để lại thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về nhu cầu và nguồn cải cách tiền lương năm 2021.

4. Rà soát, xác định nhu cầu kinh phí phụ cấp, trợ cấp đối với vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo và Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020.

V. MỘT SỐ NỘI DUNG XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2021

Năm 2021 tiếp tục kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2016 - 2020 về phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của Luật NSNN; Các sở, ban, ngành và đoàn thể cấp tỉnh trên cơ sở đánh giá thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2020; căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 xây dựng dự toán chi thường xuyên cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2021, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN, đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành:

1. Xây dựng dự toán thu NSNN:

Đối với các khoản thu phí, lệ phí: Các cơ quan, đơn vị ước số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2020, dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2021 để xây dựng dự toán thu phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí (chi tiết tổng số thu, số được để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn).

Đối với khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN cho các cơ quan, đơn vị, nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện cơ chế tạo

nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

2. Xây dựng dự toán chi thường xuyên:

a) Căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm 2020, các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán chi thường xuyên cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2021, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN, đảm bảo đúng tính chất nguồn kinh phí, đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, triệt để tiết kiệm.

Việc xây dựng dự toán kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất cần thực hiện theo hướng dẫn quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính.

b) Dự toán chi hoạt động năm 2021 của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với mục tiêu sắp xếp lại tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế. Xác định chi con người theo biên chế được giao năm 2020. Cụ thể:

- Thực hiện tinh giản biên chế với mức giảm biên chế năm 2021 theo quyết định của cấp thẩm quyền hoặc theo Đề án tinh giản biên chế được duyệt.

- Ước tính tác động của sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế đến NSNN, gồm: (i) kinh phí dành ra đối với các cơ quan hành chính từ giảm chi NSNN do sắp xếp tổ chức bộ máy (giảm chi hoạt động bộ máy, chi cơ sở vật chất...); giảm chi NSNN do giảm biên chế (giảm chi quỹ lương, giảm chi thường xuyên,...); (ii) nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo chế độ, chính sách hiện hành. Cụ thể xác định lại biên chế đã giao năm 2020 so năm 2019 để xác định lại số giảm chi con người và công việc năm 2021 so năm 2020.

c) Dự toán chi hoạt động năm 2021 của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở tiến độ đã thực hiện giai đoạn 2016-2020. Mức giảm biên chế năm 2021 được xác định theo quyết định của cấp thẩm quyền (nếu có), hoặc theo Đề án tinh giản biên chế được duyệt hoặc mức giảm tối thiểu/năm đối với từng nhóm cơ quan tương ứng theo Kết luận số 17-KL/TW.

Giảm đầu mỗi đơn vị sự nghiệp công lập; tăng số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính ở mức cao hơn; giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định trong các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ những đơn vị đã bảo đảm tự chủ tài chính).

Lộ trình tính giá, phí dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản), tăng giá học phí theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó, tăng đơn vị tự chủ toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên, tự chủ toàn bộ chi thường xuyên; tăng mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập còn lại.

Ước tính kinh phí dành ra đối với từng mục tiêu, chi tiết giảm chi con người, chi hoạt động bộ máy, giảm chi gắn với lộ trình tăng giá, phí dịch vụ sự nghiệp công và chuyển nhóm đơn vị tự chủ...; cũng như nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo chế độ, chính sách hiện hành.

d) Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể, sự nghiệp giáo dục – đào tạo, y tế và sự nghiệp khác:

- Số biên chế được giao năm 2021 (trường hợp chưa được giao biên chế thì xác định bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2020/số biên chế tính dự toán NSNN năm 2020 trừ đi (-) số biên chế phải tinh giản năm 2021 theo Đề án tinh giản biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc số biên chế còn phải giảm để bảo đảm mục tiêu theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kết luận số 17-KL/TW), trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm 01 tháng 9 năm 2020, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu biên chế năm 2021.

- Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: (i) Quỹ tiền lương của số biên chế có mặt tính đến thời điểm 01 tháng 9 năm 2020 (trong phạm vi biên chế năm 2021), được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ; (ii) Giảm quỹ tiền lương gắn với tinh giản biên chế; (iii) Quỹ tiền lương của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ. Trường hợp mức lương cơ sở trong năm 2021 có điều chỉnh theo quy định của cấp có thẩm quyền sẽ điều chỉnh tương ứng số tính toán nêu trên.

- Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2021 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

- Kinh phí tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

- Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

+ Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao biên chế: thực hiện khoán kinh phí theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vận dụng định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN lĩnh vực quản lý nhà nước và thực hiện hỗ trợ cho các nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao.

+ Đối với các hội quần chúng khác bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí, hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật; NSNN hỗ trợ cho các nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao.

- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ trong đơn vị sự nghiệp công lập:

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tư đảm bảo chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo một phần chi thường xuyên, căn cứ số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ được cấp có thẩm quyền giao, Thủ trưởng đơn vị quyết định sử dụng từ các nguồn tài chính giao tự chủ ngoài quỹ tiền lương hàng năm của đơn vị để thực hiện chi trả tiền công, tiền lương theo quy định.

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên mà không có nguồn thu, kinh phí để thực hiện chi trả hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên ngoài quỹ tiền lương hàng năm của cơ quan theo quy định của pháp luật. Trường hợp đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên nhưng có nguồn thu, tùy theo khả năng cân đối của đơn vị, ngân sách cấp phân chênh lệch còn lại so với nhu cầu kinh phí thực hiện chi trả hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ theo quy định.

Ngoài ra cần thuyết minh rõ các nội dung như:

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Lập dự toán chi đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thuyết minh cụ thể các nhiệm vụ cấp tỉnh, cấp cơ sở, các nhiệm vụ thường xuyên và không thường xuyên khác của tổ chức khoa học và công nghệ.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chính sách phụ cấp thâm niên nhà giáo, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán nhu cầu chi thực hiện các chương trình, đề án của ngành y tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; dự kiến số kinh phí giảm cấp chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp y tế theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế; nhu cầu NSNN hỗ trợ do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tự bảo đảm một phần chi phí thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp y tế công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

- Chi các hoạt động kinh tế: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu (giao thông, thủy lợi) để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; bảo đảm an toàn giao thông; tìm kiếm cứu nạn; bảo quản hàng dự trữ quốc gia; kinh phí thực hiện công tác quy hoạch; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công; chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản. Xây dựng dự toán kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định của Nghị định số 141/2016/NĐ-CP và Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP, kinh phí thực hiện đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

- Đối với các BQL chuyên ngành:

Dự toán thu, chi quản lý dự án: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, nhiệm vụ của năm 2021, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và kết quả hoạt động dịch vụ, tình hình thu, chi tài chính của năm 2020.

3. Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương

Năm 2021, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.

VI. Mẫu biểu và thời gian gửi dự toán ngân sách năm 2021

1. Mẫu biểu xây dựng dự toán:

a) Các Mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính:

- Mẫu biểu số 07: Dự toán thu, chi, nộp ngân sách nhà nước từ các khoản phí và lệ phí .

- Mẫu biểu số 12.1: Dự toán thu, chi theo lĩnh vực sự nghiệp.

- Mẫu biểu số 13.1: Cơ sở tính chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề.

- Mẫu biểu số 13.2: Cơ sở tính chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình.

- Mẫu biểu số 13.3: Cơ sở tính chi sự nghiệp khoa học và công nghệ.

- Mẫu biểu số 13.4: Cơ sở tính chi sự nghiệp văn hóa, thông tin.

- Mẫu biểu số 13.5: Cơ sở tính chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn.

- Mẫu biểu số 13.6: Cơ sở tính chi sự nghiệp thể dục thể thao.

- Mẫu biểu số 13.7: Cơ sở tính chi sự nghiệp bảo vệ môi trường.

- Mẫu biểu số 13.8: Cơ sở tính chi các hoạt động kinh tế.

- Mẫu biểu số 13.9: Chi tiết các hoạt động kinh tế theo chương trình/dự án.

- Mẫu biểu số 13.10: Cơ sở tính chi thực hiện chính sách đối với các đối tượng thuộc lĩnh vực bảo đảm xã hội.

- Mẫu biểu số 13.12: Cơ sở tính chi thực hiện chính sách trợ giúp xã hội.

- Mẫu biểu số 14: Cơ sở tính chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể.

- Mẫu biểu số 15.1: Báo cáo biên chế - tiền lương của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể.

- Mẫu biểu số 15.2: Báo cáo lao động – tiền lương- nguồn kinh phí đảm bảo của các đơn vị sự nghiệp.

b) Các Mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính:

- Mẫu biểu số 02: dự kiến nhu cầu và nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2020.

- Mẫu biểu số 03: tổng hợp kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ năm 2019, 2020 và dự kiến nhu cầu kinh phí năm 2021.

c) Riêng các Ban Quản lý chuyên ngành thực hiện theo các biểu mẫu kèm theo Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ Tài chính:

+ Mẫu số 01(i): Bảng tính chi phí quản lý dự án (tính riêng cho từng dự án).

+ Mẫu số 02/DT-QLDA: Dự toán thu quản lý dự án năm 2021.

+ Mẫu số 03/DT-QLDA: Bảng tính lương năm 2021.

+ Mẫu số 05/DT-QLDA: Dự toán chi phí quản lý dự án năm 2021 của BQDLA

2. Ngoài ra đơn vị bổ sung thêm các biểu mẫu sau:

- Bảng lương tháng 9 và Mẫu số 09 có xác nhận của Kho bạc Nhà nước.

- Chi tiết các chương trình dự án (chi tiết phụ lục kèm theo Mẫu biểu số 15.3).

3. Thời gian gửi dự toán NSNN năm 2021:

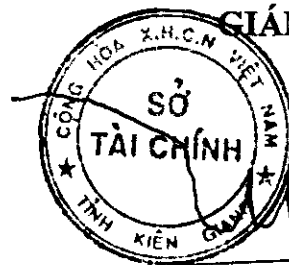
Các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện NSNN năm 2020, dự toán NSNN năm 2021 về Sở Tài chính trước ngày 05 tháng 10 năm 2020. Đồng thời gửi file mềm về địa chỉ mail: hbtran.stc@kiengiang.gov.vn.

Trên cơ sở dự toán NSNN năm 2021 của các sở, ban, ngành, Đảng đoàn thể gửi, Sở Tài chính sẽ có lịch làm việc cụ thể dự kiến trong tháng 10 năm 2020.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Tài chính để kịp thời xử lý. *hb*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHCSN.



GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tuấn